

CÔNG TY TNHH INOX NGUYỄN PHÁT**Địa chỉ: Số 261 Trần Cung P Nghĩa Đô , Hà Nội, Việt Nam****Tel: 0936190877- 0903223771****Email: inoxnguyenphat@gmail.com****BẢNG BÁO GIÁ KIỂM XÁC NHẬN ĐẶT HÀNG****Kính gửi : Quý Khách Hàng**

Công ty TNHH INOX Nguyễn Phát xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng. Theo yêu cầu, chúng tôi xin gửi tới Quý công ty bảng xác nhận đơn đặt hàng một số quy cách hàng hóa dưới đây :

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
A	BIỂN BÁO			-		
I	Biển báo đường cao tốc				-	
1	Biển tam giác đều W.201b (Thép mạ kẽm dày 1.2mm)	biển	1	577,500	577,500	
3	Biển chữ nhật IE.474(2575x3000mm)	biển	1	12,232,500	12,232,500	
4	Biển chữ nhật IE.473(4115x1950mm)	biển	1	13,125,000	13,125,000	
5	Biển chữ nhật IE.451b(5750x3920mm)	biển	1	50,925,000	50,925,000	
6	Biển chữ nhật IE.452(5750x3920mm)	biển	1	50,925,000	50,925,000	
7	Biển chữ nhật IE.471b,c,d,e(1600x900mm)	biển	1	4,042,500	4,042,500	
8	Biển chữ nhật IE.454(7140x4050mm)	biển	1	60,690,000	60,690,000	
9	Biển chữ nhật IE.460b(300x940mm)	biển	1	892,500	892,500	
10	Biển chữ nhật IE.470(750x2000mm)	biển	1	2,887,500	2,887,500	
12	Biển chữ nhật IE.475b(4146x3100mm)	biển	1	25,725,000	25,725,000	
13	Biển chữ nhật IE.471a(7965x2000mm)	biển	1	37,275,000	37,275,000	
14	Biển chữ nhật I.439(1800x900mm)	biển	1	3,717,000	3,717,000	
II	Biển báo đường gom dân sinh và đường ngang				-	
15	Biển tròn P.117, D=875mm	biển	1	997,500	997,500	
16	Biển tam giác, L=875mm	biển	1	577,500	577,500	
17	Biển chữ nhật I.414a (2400x1500mm)	biển	1	7,560,000	7,560,000	
18	Vít nở M12x150	bộ	1	21,000	21,000	
B	CỘT BIỂN BÁO, CỘT CÀN VƯỜN					
I	Cột biển báo.				-	
19	Cột thép mạ kẽm D88.3, dày 3mm	kg	1.000	27,300	27,300	
20	Thép hộp mạ kẽm 40x20x2.4mm	tấn	1.000	27,300,000	27,300,000	
21	Thép hộp mạ kẽm 50x100x3.2mm	tấn	1.000	27,300,000	27,300,000	
0,330	Tấm kẹp 340x250x6mm	tấn	1.000	27,300,000	27,300,000	
23	Tấm bản mã 290x250x10mm	tấn	1.000	27,300,000	27,300,000	
24	Đai ôm D90,T=2mm	cái	1	26,250	26,250	
25	Bu lông D10x25mm+ vòng đệm dày 2mm	bộ	1	4,725	4,725	
26	Bu lông D16x250mm+ vòng đệm	bộ	1	26,250	26,250	
27	Bu lông D16x45mm+ vòng đệm	bộ	1	7,875	7,875	
28	Nắp chụp	cái	1	21,000	21,000	
29	Màu phản quang đỏ - trắng @250	m2	1.000	315,000	315,000	
III	Cột càn tay vườn				-	
34	Thép cột chính mạ kẽm D457.2, dày 16mm	kg	6.185	27,300	168,851	
35	Thép cột ngang mạ kẽm D267.4, dày 9.3mm	kg	3.348	27,400	91,735	
36	Thép hộp mạ kẽm 50x100x3.2mm	kg	1.000	27,309	27,309	
37	Nắp chụp đầu ống D467, dày 4,5mm	kg	0.034	27,300	928	
38	Nắp chụp đầu ống D277, dày 4,5mm	kg	0.059	27,300	1,600	
39	Tấm kẹp 880x250x6mm	cái	1.000	6,000	6,000	
40	Tấm bản mã 465x100x10mm	cái	1.000	60,000	60,000	
42	Tấm bản mã D550x18mm	cái	1.000	60,000	60,000	
43	Tấm thép sườn tăng cường 100x200x18mm	kg	c	50,000	#VALUE!	
44	Tấm thép sườn tăng cường 100x253x18mm	kg	c	50,000	#VALUE!	
45	Tấm thép sườn tăng cường 100x411x18mm	cái	c	50,000	#VALUE!	
46	Bu lông D20x75mm+ vòng đệm	bộ	1	21,000	21,000	
47	Bu lông D16x45mm+ vòng đệm	bộ	1	5,250	5,250	
48	Tấm bản mã D850x850x44mm	cái	1.000	50,000	50,000	
49	Tấm thép sườn tăng cường 400x200x18mm	cái	1.000	50,000	50,000	
II	Cọc H		1/3		-	

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
81	Thép tấm 450x200x3	tấn	0.130	27,300,000	3,549,000	
82	Thép tấm L30x30x3	tấn	0.020	27,300,000	546,000	
83	Đường hàn góc 3mm	m	24	52,500	1,260,000	
84	Sơn trắng	m2	5.400	367,500	1,984,500	
85	Sơn đỏ	m2	0.600	367,500	220,500	
III	Tiêu phản quang	tiêu	1152	15,750	18,144,000	
F	HÀNG RÀO				923,144,922	
I	Hàng rào dây thép gai				-	
86	Modun hàng rào lưới thép gai	bộ	1725		-	
87	Dây thép gai (ĐK dây 2,5mm, ĐK gai 2mm)	tấn	850.00	42,000	35,700,000	
88	Cột thép D60, dày 3mm, L=1590mm	tấn	12.068	27,300,000	329,459,130	
89	Cột thép D60, dày 3mm, L=1640mm	tấn	12.448	27,300,000	339,819,480	
90	Tấm thép 120x120x10mm	tấn	3.9	27,300,000	106,470,000	
91	Bu lông M12x50	bộ	6900	5,250	36,225,000	
92	Thép móc lưới thép gai, L=120mm; Loại D=8mm	tấn	#####	42,000	75,471,312	
G	TÔN SÓNG				4,057,349,300	
I	Tôn sóng đơn (cho đoạn thông thường 2m<h<5m)	modul	1670		-	
93	Tôn sóng đơn L=3.32m	kg	83.5	27,300,000	2,279,550,000	
94	Cột thép D140x4.5mm, L=2,15m	kg	53.5	27,300,000	1,460,659,200	
95	Bản đệm 70x300x5mm	cái		27,300,000	-	
96	Nắp chụp D146x20mm	tấn	1.60	27,300,000	43,668,658	
97	Bu lông D16x35	bộ	16720	5,250	87,780,000	
98	Bu lông D20x180	bộ	1672	21,000	35,112,000	
II	Đoạn nền đường đắp H>=5m (trên đưng cao tốc)	modul	23		-	
99	Tôn sóng kép, L=4.33m	tấn	2.44	27,300,000	66,589,021	
100	Cột thép D141.3x4.5mm, L=2.5m	tấn	1.824	27,300,000	49,795,200	
101	Nắp chụp D146x20mm	tấn	0.046	27,300,000	1,253,646	
102	Bản đệm 4.3x389x624mm	tấn	0.625	27,300,000	17,071,819	
103	Bu lông D18x40	bộ	192	5,250	1,008,000	
104	Bu lông D16x33	bộ	288	5,250	1,512,000	
105	Bu lông D20x180	bộ	96	21,000	2,016,000	
III	Đoạn vị trí tẩm cuối	modul	8		-	
106	Tôn sóng đơn, L = 0.61m	tấn	0.110	27,300,000	2,995,470	
107	Cột thép D140x4.5mm, L=2.15m	tấn	0.256	27,300,000	6,988,800	
108	Bản đệm 70x300x5mm	tấn	0.013	27,300,000	349,440	
109	Nắp chụp D146x20mm	tấn	0.01	27,300,000	208,941	
110	Bu lông D16x35	bộ	80	5,250	420,000	
111	Bu lông D20x180	bộ	8	21,000	168,000	
IV	Đoạn nối giữa TLS loại A và loại B	modul	6		-	
112	Tôn sóng đơn, L=2.16m	kg	1.00	27,300	27,300	
113	Tông sóng kép, L=2.16m	kg	0.31	27,300	8,332	
114	Cột thép D141.3x4.5mm, L=2.445m	kg	1.000	27,399	27,399	
115	Cột thép D141.3x4.5mm, L=2.45m	kg	1.000	27,300	27,300	
116	Nắp chụp D146x20mm	kg	1.000	30,000	30,000	
117	Bản đệm 4.3x389x624mm	cái	1.000	35,000	35,000	
118	Bu lông D20x180	bộ	1	21,000	21,000	
119	Bu lông D165x35	bộ	1	21,000	21,000	
120	Bu lông D16x33	bộ	1	5,775	5,775	
H	ĐINH PHẢN QUANG	cái	1	15,750	15,750	
	TỔNG TIỀN TRƯỚC THUẾ(A+B+C+D+E+F+G+H)					
	THUẾ VAT 10%				-	
	THÀNH TIỀN SAU THUẾ				-	

Điều kiện kèm theo:

- Đơn giá trên đã bao VAT 10%, chưa bao gồm chi phí vận chuyển
- Địa điểm giao hàng: Tại nhà máy sản xuất
- Thời hạn giao hàng : Theo thỏa thuận
- Thời hạn thanh toán: - Đặt cọc 50% sau khi xác nhận đơn hàng
 - Thanh toán 50% còn lại khi giao hàng và hai bên ký biên bản nghiệm thu tại nhà máy

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
-----	---------------	-----	------------	---------	------------	---------

5. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

- Công ty TNHH Inox Nguyên Phát
- TK số : 10000000185
- Tại Ngân hàng: TMCP SHB

6. Thời hạn hiệu lực của báo giá: trong vòng 07 ngày.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn!

Rất mong sớm nhận được phản hồi của Quý công ty!

XÁC NHẬN BÊN MUA

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025
CÔNG TY TNHH INOX NGUYỄN PHÁT